TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 130/2024/HN-ST
Ngày: 12-8-2024
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Phú Chánh Thể

2. Ông Phạm Quốc Toàn

- **Thư ký phiên tòa**: bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa**: bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2024/TLST –HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/7/2024 và quyết định hoãn phiên toà số: 288/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Cúc L, sinh năm 1997; địa chỉ: số 643, ấp H, xã H1, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

2. Bị đơn: anh Phạm Văn T, sinh năm 1996; địa chỉ: tổ 11, ấp 5, xã S, huyện G, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2024 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Cúc L trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T do quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh B vào ngày 15/10/2021.

Sau khi kết hôn, hai bên chung sống không hạnh P, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hoà hợp. Vì hạnh P gia đình và tương lai của con nên chị đã cố gắng chịu đựng và tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Hai bên đã sống ly thân

khoảng 01 năm nay. Trong thời gian sống ly thân, chị về nhà mẹ ruột sinh sống, thỉnh thoảng anh T có qua thăm con nhưng tình tính tình vẫn không thay đổi.

Hiện chị xác định hai bên không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu kéo dài cuộc sống hôn nhân sẽ làm đau khổ cho nhau nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Con chung: Phạm Nguyễn Thiên P, sinh ngày 14/12/2021 hiện ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có.

Quá trình tố tụng, bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt không lý do và không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của chị Nguyễn Cúc L.

* *Tại phiên tòa:*

Chị Nguyễn Cúc L vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Anh Phạm Văn T vắng mặt không lý do

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: sau khi nhận đơn khởi kiện; các tài liệu, chứng cứ kèm theo và xem xét có đủ điều kiện thụ lý; Tòa án đã tiến hành thủ tục thủ lý vụ án theo đúng quy định so với Bộ Luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng đắn vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng, đầy đủ các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án, không vi phạm về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn chị L đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn anh T không có ý kiến về việc giải quyết vụ án là chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Về nội dung: căn cứ quy định tại các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Cúc L.

+ Về hôn nhân: chị Nguyễn Cúc L được ly hôn với anh Phạm Văn T.

+ Về con chung: giao cháu Phạm Nguyễn Thiên P, sinh ngày 14/12/2021 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: chị L khai không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Cúc L vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; riêng bị đơn anh Phạm Văn T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: chị Nguyễn Cúc L và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh B vào ngày 15/10/2021 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng, nguyên đơn chị L cho rằng do bất đồng quan điểm, tính tình không hoà hợp nên hai bên chung sống không hạnh P, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vì hạnh P gia đình, tương lai của con nên chị đã cố gắng chịu đựng và tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Hiện tại hai bên đã sống ly thân, anh T có qua thăm con nhưng tính tình vẫn không thay đổi. Do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không có khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Bị đơn anh T không tham gia các phiên hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị L và vắng mặt tại phiên tòa. Như vậy, có căn cứ xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Phạm Nguyễn Thiên P, sinh ngày 14/12/2021. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chị L, anh T sống ly thân, con chung do chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, cuộc sống đã ổn định. Quá trình tố tụng, anh T cũng không tranh chấp nuôi con. Do đó xét yêu cầu trực tiếp nuôi con của chị L là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng, ghi nhận chị L tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: chị L trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Cúc L phải nộp số tiền là 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Cúc L được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2/- Con chung: Phạm Nguyễn Thiên P, sinh ngày 14/12/2021.

Giao Phạm Nguyễn Thiên P, sinh ngày 14/12/2021 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị L tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/- Tài sản chung, nợ chung: chị L trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

4/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Nguyễn Cúc L phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005160 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, án phí sơ thẩm, chị L đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- VKSND huyện;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã S, (G, B);
- Các đương sự;
- Lưu.

Đặng Thị Ngọc Duyên

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Đặng Thị Ngọc Duyên

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 12 tháng 8 năm 2024.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Phú Chánh Thể

2. Ông Phạm Quốc Toàn

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 289/2024/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Cúc L, sinh năm 1997; địa chỉ: số 643, ấp H, xã H1, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

2. Bị đơn: anh Phạm Văn T, sinh năm 1996; địa chỉ: tổ 11, ấp 5, xã S, huyện G, tỉnh B (vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Cúc L được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

2/- Con chung: Phạm Nguyễn Thiên P, sinh ngày 14/12/2021.

Giao Phạm Nguyễn Thiên P, sinh ngày 14/12/2021 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị L tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

3/- Tài sản chung, nợ chung: chị L trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

4/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Nguyễn Cúc L phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005160 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, án phí sơ thẩm, chị L đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc lúc 15 giờ 00 phút ngày 12/8/2024.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho các thành viên trong Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Duyên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P

BIÊN BẢN GIAO NHẬN

Hôm nay, vào hồi …………giờ …. phút, ngày ….tháng …. năm 2024.

Tại: Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện G

* Bên giao: bà Đặng Thị Ngọc Duyên – Thẩm phán

* Bên nhận: ……………………………………………- ……………Viện kiểm sát nhân dân huyện G.

Tiến hành giao nhận: Bản án số 130/2024/HN-ST ngày 12/8/2024 của TAND huyện G (Nguyễn Cúc L – Phạm Văn T).

Hai bên được nghe, đọc biên bản và đồng ý ký tên

Biên bản kết thúc vào hồi ……. giờ …….. phút cùng ngày.

Người giao	Người nhận
Đặng Thị Ngọc Duyên	,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,